

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1972. Địa chỉ: D N, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2- Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc T (Bé), sinh năm 1966. Địa chỉ: 4 L, Làng P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích N trình bày:

Do có quan hệ quen biết vì cần tiền để làm ăn kinh doanh nên ngày 27/4/2024 bà Trương Thị Ngọc T (Bé) có vay của bà số tiền 400.000.000 đồng, khi vay tiền bà T có viết cho bà N một giấy mượn tiền, thời hạn vay là hai tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Sau khi cho bà T vay tiền đến thời hạn trả nợ bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh kể từ ngày vay cho bà N, tuy nhiên bà T cố tình trốn tránh, không trả nợ cho bà. Bà Trần Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ngọc T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và số tiền nợ lãi mỗi tháng

12.000.000 đồng tính từ tháng 8 năm 2024 đến nay, lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ngọc T trả cho bà số tiền 400.000.000 đồng nợ gốc, và tiền nợ lãi từ ngày 27/8/2024 đến nay, theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Trương Thị Ngọc T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trương Thị Ngọc T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Ngọc T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Bích N khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Trương Thị Ngọc T. Đơn khởi kiện của bà Trần Thị Bích N được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Trương Thị Ngọc T cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Về thủ tục lựa chọn hoà giải và lựa chọn Hoà giải viên: Ngày 09/12/2024, người khởi kiện có ý kiến về việc không hoà giải, đối thoại tại Toà án. Vì vậy, Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngày 27/4/2024 bà N cho bà T vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay tiền bà T có viết giấy mượn tiền cho bà N, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là hai tháng, sau khi cho vay tiền đến hạn trả nợ bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ gốc và lãi, tuy nhiên bà T không trả. Bà Trần Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ngọc T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và số tiền nợ lãi mỗi tháng 12.000.000 đồng tính từ tháng 8 năm 2024 đến nay, lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ngọc T trả cho bà số tiền 400.000.000 đồng nợ gốc, và tiền nợ lãi tính từ ngày 27/8/2024 đến nay, theo mức lãi suất 0,83%/tháng

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, bà N đã cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” có nội dung thể hiện ngày 27/4/2024 có cho bà T vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 02 tháng. Bà N cho rằng mẫu giấy mượn tiền là của bà N còn chữ viết bút mực là chữ viết của bà T.

Xét, giao dịch vay tiền giữa người cho vay là bà Trần Thị Bích N với bên vay là bà Trương Thị Ngọc T là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Mặc khác từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà T không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà T phải trả cho bà khoản tiền nợ 400.000.000 đồng tiền gốc.

Về nợ lãi:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu về lãi suất, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 400.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), tính từ ngày 27/8/2024 đến nay.

Xét việc rút một phần yêu cầu về tính lãi nói trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét tại giấy mượn tiền ngày 27/4/2024 thể hiện “lãi suất do hai bên thỏa thuận” như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng*

không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền nợ gốc để tính lãi là 400.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 27/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/5/2025 là 8 tháng 13 ngày; mức lãi suất áp dụng mức là 10%/năm (0,83%/tháng); Tiền nợ lãi được tính là: 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng 13 ngày = 28.091.324 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà T phải trả cho bà N là: 400.000.000 đồng + 28.091.324 đồng = 428.091.324 đồng

[5] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, Điều 195, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T2 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích N: Buộc bà Trương Thị Ngọc T phải trả cho bà Trần Thị Bích N số tiền 428.091.324 đồng, trong đó 400.000.000 đồng nợ gốc và 28.091.324 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị Ngọc T phải chịu 10.561.826 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán sung công quỹ Nhà nước.

Bà Trần Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Bích N số tiền 11.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000891 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Đình Hoàng Tô Thị L

Nguyễn Thị Hồng T1

